

Bản án số: 625/2025/DS-PT
Ngày 18/12/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở B) xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 413/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 471/2025/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Đ1; địa chỉ: DT G, khu phố T, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967 (vắng mặt)
- Bà Trần Tiến Thương N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
- Bà Trần Tiến Thương H, sinh năm 1997 (vắng mặt)
- Ông Trần Tiến Thương T2, sinh năm 1990 (vắng mặt)

5. Bà Trần Tiến Thương T3, sinh năm 2003 (có mặt)

Các bị đơn cùng trú tại: Số A G, khu phố B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng - ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 31/5/2021 giữa Ngân hàng N1 (Ngân hàng N2) - Chi nhánh Đ1 và ông Trần Văn T4 ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 56002LAV-202202848 ngày 31/5/2021, theo hợp đồng bị đơn vay vốn ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 31/5/2022, lãi suất vay 9,9%/năm, lãi quá hạn 150%/năm của lãi suất trong hạn; trả lãi 06 tháng/lần, mục đích vay chăn nuôi bò.

Để đảm bảo khoản tiền vay bị đơn ông T4 có thể chấp 01 quyền sử dụng đất, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số seri S217298, số vào sổ cấp GCN (H) 1149/QSDĐ/205/CN/2001 thửa 145, tờ bản đồ số 10 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/7/2001 cho hộ ông Trần Văn T4; đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 005849 ngày 31/5/2021.

Ông T4 đã trả trước tiền lãi suất đến ngày 30/5/2022, ngày 10/01/2022 ông T4 chết, nên từ ngày 01/5/2022 đến nay không trả nợ và lãi suất, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm vợ là bà Nguyễn Thị T1 và các con là Trần Tiến Thương N, Trần Tiến Thương H, Trần Tiến Thương T2 và Trần Tiến Thương T3 phải trả số tiền gốc vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/6/2025 gồm: Lãi suất trong hạn từ ngày 01/5/2022 đến 30/5/2022 (chưa trả) là 4.068.493 đồng và lãi quá hạn từ ngày 31/5/2022 - 10/6/2025 là 225.949.315 đồng và phạt chậm trả từ ngày 31/5/2025 đến 10/6/2025 là 1.172.228 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và thanh toán phần lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng sau ngày 26/5/2025.

Trường hợp không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất số seri S217298, số vào sổ cấp GCN (H) 1149/QSDĐ/205/CN/2001, thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 10, do UBND huyện Đ cấp ngày 30/7/2001 cho hộ ông Trần Văn T4; đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 005849 ngày 31/5/2021 tại Văn phòng C để thu hồi nợ.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T1 có đơn xin vắng mặt và có ý kiến đồng ý giải quyết theo quy định pháp luật, không tranh chấp gì.

- Chị Trần Tiến Thương N ủy quyền cho chị Trần Tiến Thương H – chị H trình bày: chị H đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất do khoản vay này là do ông T4 cha ruột vay và đồng ý thanh lý tài sản đã thế chấp để trả nợ, trường hợp dư sẽ trả lại cho mẹ con chị, gia đình sẽ tự chia, trường hợp không chia được sẽ khởi kiện theo quy định. Do bận việc nên chị H xin vắng mặt.

- Chị Trần Tiến Thương T3 trình bày: Chị T3 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vay 500.000.000 đồng, do bận việc nên xin vắng mặt.

- Anh Trần Tiến Thương T2 - tại phiên tòa trình bày: anh T2 thừa nhận là ông T4 vay chung cho hộ gia đình và đồng ý trả tiền vay gốc 500.000.00 đồng cho Ngân hàng nhưng không đồng ý trả tiền lãi suất do ông T4 đã chết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 16/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) đã quyết định:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, bà Trần Tiến Thương N, ông Trần Tiến Thương T2, Trần Tiến Thương H, Trần Tiến Thương T3 là người hưởng thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) của ông T4 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 tiền vay gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay số 56002LAV-202202848 ngày 31/5/2021, tổng cộng 731.160.079 đồng (Trong đó: vốn gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi gồm: Lãi suất trong hạn từ ngày 01/5/2022 đến 30/5/2022 là 4.068.493 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 31/5/2022 -10/6/2025 là 225.949.315 đồng; Phạt chậm trả từ ngày 31/5/2025 đến 10/6/2025 là 1.172.228 đồng) trong phạm vi di sản do ông T4 để lại. Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất phải trả tính đến ngày 10/6/2025 là 731.190.036 đồng...”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là VKSND khu vực 9 - Đồng Nai) ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai và phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận Kháng nghị; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân khu vực 9-Đồng Nai giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, nay là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 24/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, nay là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai (sau đây gọi tắt là: kháng nghị số 02) được thực hiện trong thời hạn pháp luật quy định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng. Ông T4, bà T1 có con là các anh chị là Trần Tiến Thương N, Trần Tiến Thương T2, Trần Tiến Thương H, Trần Tiến Thương T3. Vào ngày 27/5/2019, bà T1 và các anh chị N, Tín H1 (khi đó chị T3 còn nhỏ) lập văn bản ủy quyền cho ông T4 được quyền thay mặt và nhân danh mình được vay vốn và thế chấp tài sản của hộ gia đình là quyền sử dụng diện tích đất 719m² thuộc thửa số 145, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, thị trấn T, huyện Đ được UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là: GCNQSDĐ) số S217298, số vào sổ cấp GCN: 1149/QSDĐ/205/CN/2001 cho hộ ông Trần Văn T4 vào ngày 24/3/2017. Ngày 31/5/2021, ông T4 ký kết với Ngân hàng N1 chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 56002LAV-202102069 để vay số tiền 500.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 31/2/2021 đến 31/5/2022 trả với lãi suất vay 9,9%/năm; lãi quá hạn 14,85%/năm; kỳ hạn trả lãi 06 tháng/lần (BL 20). Để đảm bảo khoản vay, cùng ngày ông T4 ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 991/HĐTC để thế chấp cho Ngân hàng thửa đất trên (BL 24). Tuy nhiên, sau khi vay tiền, khi chưa hết thời hạn vay, vào ngày 10/01/2022 thì ông T4 chết.

[3] Ngày 05/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú nhận được Đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2023 của Ngân hàng để yêu cầu ông T4 phải thanh toán số tiền 500.000.000 đồng gốc đã vay và tiền lãi chưa thanh toán. Ông T4 đã chết nên không thể là đương sự trong vụ án nhưng Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú (cũ) không hướng dẫn Ngân hàng sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện để khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại mà lại thụ lý vụ án và xác định ông T4 là bị đơn là không đúng. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên Tòa, phía Ngân hàng cũng khẳng định Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu vợ và các con ông T4 có nghĩa vụ trả

nợ, do không hiểu biết nên viết Đơn khởi kiện không chính xác, đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại cho đúng. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử thấy rằng vợ và các con ông T4 là bà T1 và các anh chị N, T2, H1, T3 đã được Tòa đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T4 và điều trình bày đồng ý trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần sửa lại Bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà T1 và các anh chị N, T2, H1, T3 với tư cách là bị đơn là vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như phù hợp với ý chí của cả ngân hàng và các đương sự này. Kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách bị đơn của ông T4 là có căn cứ, được chấp nhận nhưng việc hủy Bản án sơ thẩm vì lý do này là không cần thiết.

[4] Về việc tham gia tố tụng của các cụ Trần Văn Q và Bùi Thị Lục Đ: kháng nghị cho rằng cần hủy Bản án sơ thẩm để đưa cụ Q, sinh năm 1938 và cụ Đ, sinh năm 1938 là cha mẹ ông T4 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, tại Tòa sơ thẩm anh T2 trình bày khi còn sống cụ Q và cụ Đ đều sinh sống ở nước Mỹ cùng với chú của anh T2 là ông Trần Văn L, căn cứ thông tin trên Giấy chứng tử của cụ Q, cụ Đ do Tiểu bang Washington cấp mà gia đình bị đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện thì cụ Q đã chết năm 2020, cụ Đ chết năm 2022. Mặc dù, giấy chứng tử này chỉ là bản phô tô, không phải bản chính nhưng theo kết quả xác minh tại Công an thị trấn T nơi cư trú của hộ gia đình ông T4 thì thời điểm lập hộ gia đình năm 1996, hộ ông Trần Văn T4 không có thông tin của cụ Q, cụ Đ; địa phương không nắm được việc xuất cảnh của hai cụ. Và, theo thông tin do Cục Q1-Bộ C1 cung cấp thì chỉ có thông tin cụ Q xuất cảnh qua Cảng hàng không Quốc tế T năm 1997 và cụ Đ xuất cảnh năm 2011 nhưng không rõ nhập cảnh đến quốc gia nào. Do đó, việc xác định nơi cư trú chính xác để đưa cụ Q, cụ Đ vào tham gia tố tụng là không thể thực hiện được. Trên hết, đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại, trong đó vợ con ông T4 là bà T1 và các anh chị N, T2, H1, T3 đều đồng ý trả toàn bộ khoản nợ mà khi còn sống ông T4 đã vay của Ngân hàng mà không hề có bất kỳ yêu cầu nào buộc cụ Q và cụ Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ nên không cần thiết phải đưa hai cụ này vào tham gia tố tụng. Trường hợp, sau này nếu có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ thì cụ Q, cụ Đ, bà T1 và các anh chị N, T2, H1, T3 có thể tranh chấp với nhau bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu. Do đó, kháng nghị về phần này không được chấp nhận.

Về nội dung tranh chấp:

[5] Về khoản nợ gốc, lãi mà ông T4 có nghĩa vụ thanh toán: Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 56002LAV-202102069 ngày 31/5/2021 thì ông T4 được Ngân hàng N1 chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là: ngân hàng) cho vay số tiền 500.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 31/5/2021 đến trả đến ngày 31/5/2022 với lãi suất vay 9,9%/năm, lãi quá hạn 150%/năm của lãi suất trong hạn; phương thức trả lãi là 06 tháng/lần. Để đảm bảo khoản vay, cùng ngày 31/5/2021 ông T4 có ký kết với ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 991/HĐTC, trong đó ông thế chấp cho ngân hàng diện tích đất 905,6m² thuộc

thửa 145, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại: khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cũ), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy CNQSDĐ số seri DC 992272, số vào sổ cấp GCN (CS) 06425/Tân Lợi vào ngày 25/10/2021 cho hộ ông Trần Văn T4. Sau khi ông T4 chết bà T1 tiếp tục trả lãi cho ngân hàng đến ngày 30/4/2022 thì ngừng trả.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi vay tiền, ông T4 chết vào ngày 10/01/2022; tại khoản 3 Điều 16 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết*”. Điều 372 Bộ luật dân sự năm 2015 về căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cũng quy định: “*8. Bên có nghĩa vụ là cá nhân chết hoặc pháp nhân chấm dứt tồn tại mà nghĩa vụ phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện*”. Như vậy, theo quy định này thì năng lực pháp luật dân sự của ông T4 đã chấm dứt kể từ ngày 10/01/2022, ông T4 chỉ có nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ngân hàng tính đến ngày ông chết 10/01/2022. Mặc dù, vào ngày 27/5/2019 bà T1 và các anh chị N, T2, H1 có lập hợp đồng ủy quyền có nội dung những người này ủy quyền cho ông T4 được quyền thế chấp tài sản là thửa đất số 145 để vay vốn. Trong hợp đồng này không có nội dung thoả thuận bà T1 và các con phải có trách nhiệm tiếp tục phải thanh toán cho bên cho vay tiền các khoản lãi suất trong hạn, quá hạn trong trường hợp ông T4 (bên nhận ủy quyền) chết. Toà án cấp sơ thẩm cho rằng vợ con ông T4 ủy quyền cho ông T4 đứng ra vay là khoản nợ chung nên buộc bà T1 và các con phải thanh toán cho ngân hàng khoản tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn buộc những người này phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau khi ông T4 chết là không đúng. Tuy nhiên, mặc dù ông T4 đã chết vào ngày 10/01/2022 nhưng sau khi ông T4 chết bà T1 tiếp tục trả lãi cho ngân hàng đến ngày 30/4/2022, đây là sự tự nguyện của bà T1, hơn nữa phía bị đơn không ai có yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: do ông T4 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 145 cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc trường hợp hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 không thanh toán nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần này.

[8] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần. Cần sửa một phần Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi của bị đơn.

[9] Về chi phí tố tụng: các bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Do ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Toà án nên các bị đơn bà T1, chị N, anh T2, chị H1, chị T3 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tương ứng 600.000 đồng/người. Toà án cấp sơ thẩm xác định mỗi người phải hoàn trả

500.000đồng là không chính xác cần sửa lại Bản án sơ thẩm về phần này cho phù hợp.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa lại nghĩa vụ trả nợ nên án phí được tính lại cho phù hợp, cụ thể: trong phạm vi di sản thừa kế ông T4 để lại, các bị đơn bà T1 và các anh chị N, T2, H1, T3 mỗi người phải chịu: 20.000.000 đồng + (4% x 100.000.000 đồng) = 24.000.000 đồng;

Ngân hàng phải chịu án phí đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận: 231.190.036 đồng x 5% = 11.559.501 đồng.

[11] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 24/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai);

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai).

Căn cứ các điều 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1;

Buộc bà Nguyễn Thị T1, chị Trần Tiến Thương N, anh Trần Tiến Thương T2, chị Trần Tiến Thương H, chị Trần Tiến Thương T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 số tiền 500.000.000 đồng mà ông Trần Văn T4 đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 56002LAV-202102069 ngày 31/5/2021.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T1, chị Trần Tiến Thương N, anh Trần Tiến Thương T2, chị Trần Tiến Thương H, chị Trần Tiến Thương T3 không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 991/HĐTC được Văn phòng C ngày 31/5/2021 để thu

hồi nợ cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất diện tích 719m² đã có Giấy CNQSDĐ số seri S217298, số vào sổ cấp GCN (H): 1149/QSDĐ/205/CN/2001 và tài sản gắn liền thửa đất đứng tên hộ ông Trần Văn T4 thuộc thửa số 145, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T1, chị Trần Tiến Thương N, anh Trần Tiến Thương T2, chị Trần Tiến Thương H, chị Trần Tiến Thương T3 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng (Ba triệu đồng). Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Toà án nên các bị đơn bà T1, chị N, anh T2, chị H, chị T3 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), tương ứng 600.000 đồng/người.

Án phí dân sự sơ thẩm: các bị đơn bà Nguyễn Thị T1, chị Trần Tiến Thương N, anh Trần Tiến Thương T2, chị Trần Tiến Thương H, chị Trần Tiến Thương T3 phải liên đới chịu 24.000.000 (hai mươi tư triệu) đồng, tương ứng 4.800.000 đồng/người (mỗi người bốn triệu tám trăm nghìn đồng); Ngân hàng phải chịu 11.559.501 (mười một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm linh một) đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 14.480.000 đồng ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010327 ngày 30/5/2024 (BL 38), Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Nai hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền 2.920.499 (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín chín) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND khu vực 9 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ VA, TDS, HCTP.

Đinh Thị Quý Chi